

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 9 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Liệt.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Ngọc D, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp 1, xã 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số 44, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần hai, không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2022, Biên bản phiên họp ngày 11/8/2022,*

*trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc D trình bày:*

Chị Lê Ngọc D và anh Phạm Hồng T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2016. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình ngày 02/3/2018. Trước khi kết hôn anh chị do quen biết, tìm hiểu nhau. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian chị Lê Ngọc D và anh Phạm Hồng T chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, T tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay chị Lê Ngọc D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hồng T.

+ *Về con chung:* Chị Lê Ngọc D và anh Phạm Hồng T có hai con chung là Phạm Lê Khánh Đ, sinh ngày 10/7/2017 và Lê Thành Q, sinh ngày 29/5/2020. Chị Lê Ngọc D yêu cầu được nuôi dưỡng Lê Thành Q, sinh ngày 29/5/2020 đến khi thành niên. Chị Lê Ngọc D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Ngọc D thống nhất giao cháu Phạm Lê Khánh Đ, sinh ngày 10/7/2017 cho anh Phạm Hồng T được nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Lê Ngọc D không cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị D làm thuê, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000đ.

+ *Về tài sản chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Hồng T không có ý kiến trình bày.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện của chị Lê Ngọc D; Trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh; Căn cước công dân và sổ hộ khẩu; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Hồng T cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng

Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Ngọc D vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Ngọc D là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 vụ án được xét xử vào lúc 13 giờ 30 ngày 19 tháng 9 năm 2022 bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Hồng T là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc D và anh Phạm Hồng T do quen biết nên tổ chức đám cưới vào năm 2016 và anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/3/2018. Việc kết hôn giữa chị Lê Ngọc D và anh Phạm Hồng T là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Ngọc D xác định: Trong thời gian chị Lê Ngọc D và anh Phạm Hồng T chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, T tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Lê Ngọc D và anh Phạm Hồng T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc D đối với anh Phạm Hồng T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Lê Thành Q, sinh ngày 29/5/2020 đang sống với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu và tránh

việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị D. Giao cháu Lê Thành Q, sinh ngày 29/5/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Đối với cháu Phạm Lê Khánh Đ, sinh ngày 10/7/2017 đang sống với anh T. Chị D thống nhất giao cháu Đăng cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Vì vậy, cần giao cháu Đăng cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị D và anh T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh T, chị D không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Quý, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đồng thời, chị D cũng không cấp dưỡng nuôi cháu Đăng, nhưng không có ý kiến của anh T về việc có yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu Đăng hay không, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Ngọc D xác định chị và anh Phạm Hồng T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Phạm Hồng T, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Lê Ngọc D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc D.

- Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc D được ly hôn với anh Phạm Hồng T.

- Về con chung:

+ Giao cháu Lê Thành Q, sinh ngày 29/5/2020 cho chị Lê Ngọc D được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

+ Giao cháu Phạm Lê Khánh Đ, sinh ngày 10/7/2017 cho anh Phạm Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Quý do chị D không yêu cầu. Đối với cháu Đăng, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần cấp dưỡng.

Anh Phạm Hồng T và chị Lê Ngọc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Anh Phạm Hồng T và chị Lê Ngọc D cùng các thành viên gia đình không cản trở chị Lê Ngọc D, anh Phạm Hồng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Lê Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010193 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Lê Ngọc D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Hồng T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký

**Nguyễn Thị Kim Trinh**